

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

*V/v “Ly hôn và tranh chấp
quyền nuôi con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Thâm;

2. Ông Cao Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2020/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc “*Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1986/2020/QĐXX-HNGĐ, ngày 30/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 19/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Hương L, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố TT, thị trấn VC, huyện VC, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn CA, xã PT, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên Tòa, Nguyên đơn chị Đinh Thị Hương L trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình H là vợ chồng với nhau, trước khi kết hôn vợ chồng chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm rồi tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT vào ngày 19/9/2017. Sau khi kết hôn vì điều kiện công việc, anh H làm việc ở xa còn chị công tác tại Trung tâm y tế huyện TP, nên chị thuê nhà ở ở thị trấn TP để thuận tiện cho công việc. Vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vì điều kiện hai vợ chồng công tác ở xa nhau nên hay bất đồng quan điểm do không hiểu nhau, đã nhiều lần chị

đề nghị anh H chuyển công tác về gần gia đình, nhưng anh H không đồng ý, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và cả hai không còn dành tình cảm cho nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải để hàn gắn tình cảm, nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 11/7/2019, hiện đang ở với chị. Nếu Tòa án cho vợ chồng chị ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng tại bản tự khai ngày 27/11/2020 và ngày 27/01/2021 anh H trình bày: Anh thống nhất điều kiện và thời gian kết hôn như vợ anh là chị Đinh Thị Hương L khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại nhà cha mẹ anh ở xã PT, vợ chồng anh sống hạnh phúc khoảng 03 năm, đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do điều kiện công việc làm ở xa nhau, anh làm xây dựng ở tỉnh KG, còn chị L làm ở Trung tâm y tế huyện TP, nên anh ít có điều kiện quan tâm đến gia đình, do đó tình cảm vợ chồng có phần lạnh nhạt, làm cho vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vì không hiểu nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 11/7/2019, hiện đang ở với chị L. Nếu Tòa án cho vợ chồng anh ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị L nuôi và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:* Từ khi thụ lý đơn khởi kiện đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình H không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đinh Thị Hương L ly hôn với anh Nguyễn Đình H, giao con chung cho chị L nuôi và buộc anh H cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị Hương L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn đang cư trú tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, nên theo

qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Bị đơn anh Nguyễn Đình H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng từ chối đến Tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Đinh Thị Hương L, Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai bị đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định, chị Đinh Thị Hương L và anh Nguyễn Đình H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT vào năm 2017, là hôn nhân hợp pháp qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, vì điều kiện công tác nên chị L thuê nhà ở thị trấn TP, huyện Tuy Phước ở để thuận tiện công việc, còn anh H làm việc tại thành phố PT, tỉnh KG nên vợ chồng ít có thời gian sống chung, hay bất đồng quan điểm do không hợp tính nhau, do đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Đã nhiều lần chị L đề nghị anh H chuyển công tác về quê làm để vợ chồng sống chung, nhưng anh H không đồng ý, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, hòa giải cho chị L rút lại yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không thành. Mặt khác, dù vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng tại bản tự khai ngày 27/01/2021 anh H đã đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị L, cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị Đinh Thị Hương L, anh Nguyễn Đình H có một con chung tên Nguyễn Bảo Khang, sinh ngày 11/7/2019. Nay ly hôn, chị Linh yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh Hảo cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ.

[3.1] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn chị Linh, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện đang ở với chị L. Mặt khác, dù vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng tại bản tự khai ngày 27/11/2020 và 27/01/2021 anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị L nuôi. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị L, giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp qui định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị L, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, mức yêu cầu của chị L là cao so với chi phí thực tế nuôi con tại địa phương. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ mỗi tháng như sự tự nguyện của anh H tại bản tự khai ngày 27/01/2021 là phù hợp với qui định pháp luật.

[4] *Về án phí*: Chị Đinh Thị Hương L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn. Anh Nguyễn Đình H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 80, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Hương L. Cho chị L ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 11/7/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 3 năm 2021, cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: chị Đinh Thị Hương L và anh Nguyễn Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đinh Thị Hương L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000803, ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước. Chị L đã nộp xong.

Anh Nguyễn Đình H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước.

Chị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT TAND Tỉnh BD
- Các bên đương sự
- VKS Tuy Phước
- THA Tuy Phước
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

Võ Duy Minh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết Mai – Nguyễn Vĩnh Mậu

Võ Duy Minh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết Mai – Nguyễn Vĩnh Mậu

Võ Duy Minh

